

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 31 tháng 3 năm 2018



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 51

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có ba trăm tám mươi lăm (385) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch	
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên	từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Trần Quốc Trí	Thành viên	
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Luân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Đinh Viết Duy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Quốc Trí	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Phẩm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Quyền Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch	
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Trần Quốc Trí	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 5 năm 2018

Số tham chiếu: 61183992/19355153/LR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen, được lập ngày 29 tháng 5 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 5 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.606.681.713.297	11.981.820.448.603
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	119.389.006.364	239.918.988.521
111	1. Tiền		119.245.484.489	239.775.466.646
112	2. Các khoản tương đương tiền		143.521.875	143.521.875
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.934.859.072.489	4.930.670.266.498
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	7.465.348.298.430	3.975.438.722.818
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	109.073.857.793	97.586.233.122
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	36.460.295.900	25.400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	329.180.222.931	837.048.913.123
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6	(5.203.602.565)	(4.803.602.565)
140	III. Hàng tồn kho	7	4.193.051.461.028	5.428.029.021.406
141	1. Hàng tồn kho		4.208.971.325.849	5.450.815.683.238
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(15.919.864.821)	(22.786.661.832)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.359.382.173.416	1.383.202.172.178
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	92.444.067.582	74.422.775.292
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16	1.266.782.387.627	1.308.779.396.886
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	155.718.207	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.402.731.814.268	5.043.205.602.817
210	I. Phải thu dài hạn		121.854.031.475	74.974.967.200
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	121.854.031.475	74.974.967.200
220	II. Tài sản cố định		2.047.621.662.020	2.746.644.774.699
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.718.450.057.375	2.463.196.998.804
222	Nguyên giá		3.256.994.234.901	4.566.370.722.477
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.538.544.177.526)	(2.103.173.723.673)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	40.889.634.930	24.855.221.380
225	Nguyên giá		52.120.618.191	39.019.437.785
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.230.983.261)	(14.164.216.405)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	288.281.969.715	258.592.554.515
228	Nguyên giá		314.772.442.174	281.826.289.976
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.490.472.459)	(23.233.735.461)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		9.404.007.701	247.666.367.726
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	9.404.007.701	247.666.367.726
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.976.265.444.583	1.724.245.102.467
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	1.819.576.000.000	1.633.276.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	95.089.444.583	80.302.178.134
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.2	-	(35.933.075.667)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		61.600.000.000	46.600.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		247.586.668.489	249.674.390.725
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	226.173.300.461	216.697.658.464
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	21.413.368.028	32.976.732.261
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		18.009.413.527.565	17.025.026.051.420

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.474.946.627.927	11.720.086.045.466
310	I. Nợ ngắn hạn		12.326.223.669.254	11.480.180.605.636
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	1.271.177.740.838	3.308.069.444.117
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	335.779.291.863	357.924.180.945
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	112.574.193.900	146.954.619.391
314	4. Phải trả người lao động		50.427.191.463	80.555.222.032
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	43.537.048.078	62.825.939.966
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	325.685.723.094	60.239.346.258
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	10.109.649.724.982	7.402.317.620.460
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		77.392.755.036	61.294.232.467
330	II. Nợ dài hạn		148.722.958.673	239.905.439.830
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	145.931.803.673	237.114.284.830
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		2.791.155.000	2.791.155.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.534.466.899.638	5.304.940.005.954
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	5.534.466.899.638	5.304.940.005.954
411	1. Vốn cổ phần		3.499.966.830.000	3.499.966.830.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.499.966.830.000	3.499.966.830.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		151.583.183.521	151.583.183.521
415	3. Cổ phiếu quỹ		(543.000.000)	-
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		70.356.612.914	34.535.741.195
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.813.103.273.203	1.618.854.251.238
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.518.037.818.703	265.082.554.604
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		295.065.454.500	1.353.771.696.634
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		18.009.413.527.565	17.025.026.051.420


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	29.345.419.687.079	22.029.294.923.416
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(99.693.211.691)	(81.507.342.295)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	29.245.726.475.388	21.947.787.581.121
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(27.650.926.671.954)	(20.284.139.904.211)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.594.799.803.434	1.663.647.676.910
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	30.508.451.179	30.863.725.117
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	(235.185.827.218) (228.290.720.096)	(215.872.117.027) (136.838.829.918)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(689.842.806.457)	(522.938.269.203)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(345.908.539.712)	(264.492.162.551)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		354.371.081.226	691.208.853.246
31	11. Thu nhập khác	25	25.741.719.577	59.065.916.454
32	12. Chi phí khác	25	(979.313.029)	(638.879.439)
40	13. Lợi nhuận khác	25	24.762.406.548	58.427.037.015
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		379.133.487.774	749.635.890.261
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(72.504.669.041)	(126.361.580.574)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(11.563.364.233)	(35.502.501.304)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		295.065.454.500	587.771.808.383

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		379.133.487.774	749.635.890.261
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	153.632.103.689 (42.399.872.678)	198.779.522.832 9.647.703.090
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng			
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23	11.944.096.959 (18.830.802.221)	8.463.524.412 (18.161.658.223)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay	23	228.290.720.096	136.838.829.918
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		711.769.733.619	1.085.203.812.290
09	Tăng các khoản phải thu		(2.170.516.916.118)	(2.343.801.914.453)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.241.844.357.389	(1.563.099.972.875)
11	Giảm các khoản phải trả		(1.867.501.089.594)	(961.087.579.063)
12	Tăng chi phí trả trước		(27.496.934.287)	(83.064.730.445)
14	Tiền lãi vay đã trả		(226.433.478.316)	(130.000.437.842)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(84.759.374.895)	(141.421.965.232)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(48.897.038.247)	(29.537.484.056)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(2.471.990.740.449)	(4.166.810.271.676)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(136.047.156.786)	(277.827.432.427)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		77.583.316.413	36.301.468.280
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(214.672.266.449)	(364.150.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.585.000.000	-
27	Tiền lãi đã nhận	21.2	8.204.987.593	1.114.850.021
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(251.346.119.229)	(604.561.114.126)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
32	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(543.000.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		14.071.743.354.343	12.510.545.296.194
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(11.463.595.633.358)	(7.807.986.130.274)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(2.425.433.770)	(10.518.171.966)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(293.512.000)	(195.895.385.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.604.885.775.215	4.496.145.608.354
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		(118.451.084.463)	(275.225.777.448)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		239.918.988.521	447.518.356.022
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.078.897.694)	(412.283.352)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	119.389.006.364	171.880.295.222


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng




Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 5 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có ba trăm tám mươi lăm (385) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 5.403 (ngày 30 tháng 9 năm 2017: 5.164).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 16 công ty con, như sau:

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen ("HSS")

HSS là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSS tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HSS trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSS (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen ("HSBM")

HSBM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3500786179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSBM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBM trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBM (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định ("HSBD")

HSBD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101425750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 14 tháng 5 năm 2014. Trụ sở đăng ký của HSBD tọa lạc tại Lô A1.1 và TT 6.2 & 7 Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBD trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBD (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen ("HTME")

HTME là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HTME tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HTME trong kỳ hiện tại là cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HTME (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An ("HSNA")

HSNA là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901788319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSNA tọa lạc tại Lô CN 1-8 Khu Công nghiệp Đông Hội, Xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNA trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại, và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNA (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam ("HSHN")

HSHN là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0700759219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 15 tháng 9 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSHN tọa lạc tại Cụm Công Nghiệp Kiện Khê I, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam. Hoạt động chính của HSHN trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSHN (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định ("HSNH")

HSNH là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101453370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 26 tháng 11 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSNH tọa lạc tại Thôn Hội Sơn, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNH trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNH (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội ("HSVH")

HSVH là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSVH tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSVH trong kỳ hiện tại là kinh doanh bất động sản, và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSVH (30 tháng 9 năm 2017: 70%).

▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái ("HSYB")

HSYB là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSYB tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB trong kỳ hiện tại là kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu Trung tâm Thương mại.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSYB (30 tháng 9 năm 2017: 70%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSRE")

HSRE là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607960 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSRE tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSRE trong kỳ hiện tại là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSRE (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSCC")

HSCC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSCC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSCC trong kỳ hiện tại là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSCC (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSIP")

HSIP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIP tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIP trong kỳ hiện tại là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIP (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSSP")

HSSP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSSP tọa lạc tại thôn Thương Diêm 2, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSSP trong kỳ hiện tại là đầu tư cảng sông, cảng biển.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSSP (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSIC")

HSIC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIC trong kỳ hiện tại là sản xuất sắt, thép và gang.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIC (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ ("HSPM")

HSPM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502313442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSPM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSPM trong kỳ hiện tại là sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSPM (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái ("HSYB-LTD")

HSYB-LTD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200870602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 6 tháng 1 năm 2017. Trụ sở đăng ký của HSYB-LTD tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB-LTD trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSYB-LTD (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đang trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
cụ và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu và xem xét liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất biến đổi trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty nhận chuyển nhượng hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	14 - 55 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại), trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê tài sản

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Tiền mặt	24.375.879.565	13.538.266.107
Tiền gửi ngân hàng	94.262.973.911	225.389.115.824
Tiền đang chuyển	606.631.013	848.084.715
Các khoản tương đương tiền (*)	143.521.875	143.521.875
TỔNG CỘNG	<u>119.389.006.364</u>	<u>239.918.988.521</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có thời gian đáo hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	6.215.593.194.587	2.892.316.502.137
Các bên khác	1.249.755.103.843	1.083.122.220.681
TỔNG CỘNG	<u>7.465.348.298.430</u>	<u>3.975.438.722.818</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.063.602.565)	(4.063.602.565)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>7.461.284.695.865</u>	<u>3.971.375.120.253</u>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	60.325.054.781	38.705.908.131
Các bên khác	48.748.803.012	58.880.324.991
TỔNG CỘNG	<u>109.073.857.793</u>	<u>97.586.233.122</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Đặt cọc	193.766.282.995	138.798.428.600
Tạm ứng để mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Tạm ứng cho nhân viên	32.636.209.283	26.741.318.349
Lợi nhuận được chia từ công ty con	5.895.764.638	547.165.072.432
Bồi thường đắm tàu	-	31.520.000.000
Khác	6.698.739.015	2.640.866.742
TỔNG CỘNG	329.180.222.931	837.048.913.123
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(1.140.000.000)	(740.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	328.040.222.931	836.308.913.123
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	100.874.792.679	639.008.129.274
<i>Các bên khác</i>	227.165.430.252	197.300.783.849

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Thành phẩm	1.898.106.673.128	1.175.209.610.528
Hàng hóa	1.007.509.919.454	677.488.468.657
Nguyên vật liệu	737.863.462.528	843.767.940.021
Hàng mua đang đi đường	340.611.568.741	2.529.588.787.627
Công cụ, dụng cụ	224.879.701.998	224.760.876.405
TỔNG CỘNG	4.208.971.325.849	5.450.815.683.238
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.919.864.821)	(22.786.661.832)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.193.051.461.028	5.428.029.021.406

Như được trình bày tại các Thuyết minh số 19, Công ty đã dùng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ vào 31 tháng 3 năm 2018 là 2.269.069.822.426 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Ngắn hạn	92.444.067.582	74.422.775.292
Chi phí quảng cáo	26.258.632.889	26.925.691.491
Chi phí thuê nhà xưởng	25.652.474.178	19.734.754.783
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.625.858.165	11.418.276.450
Chi phí tư vấn	5.107.187.545	5.022.641.070
Chi phí bảo hiểm	3.060.656.534	1.650.845.702
Chi phí sửa chữa	2.148.330.295	2.626.399.145
Khác	21.590.927.976	7.044.166.651
Dài hạn	226.173.300.461	216.697.658.464
Chi phí thuê nhà xưởng, văn phòng	83.659.079.494	89.433.311.060
Chi phí công cụ, dụng cụ	64.987.733.834	67.552.199.499
Chi phí làm bằng hiệu	43.236.911.111	25.377.730.855
Chi phí sửa chữa	23.468.401.208	20.638.965.085
Khác	10.821.174.814	13.695.451.965
TỔNG CỘNG	318.617.368.043	291.120.433.756

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Ngắn hạn	36.460.295.900	25.400.000.000
Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An (*)	25.000.000.000	25.000.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	11.460.295.900	-
Bên khác	-	400.000.000
Dài hạn	121.854.031.475	74.974.967.200
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	121.854.031.475	74.974.967.200
TỔNG CỘNG	158.314.327.375	100.374.967.200

(*) Số dư phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện số tiền cho Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An mượn, nhằm mục đích chi trả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Đông Hội, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Khoản cho mượn này là tín chấp, không chịu lãi suất và sẽ đến hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
VND						
Nguyên giá:						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	649.108.058.078	3.485.804.694.207	379.532.131.416	32.608.589.505	19.317.249.271	4.566.370.722.477
Mua mới trong kỳ	1.350.919.153	69.721.561.021	5.463.440.757	5.632.947.000	166.799.260	82.335.667.191
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.427.598.181	243.454.615.841	-	8.561.949.400	-	253.444.163.422
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	13.254.770.658	-	-	-	13.254.770.658
Điều chuyển TSCĐ qua Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	(150.642.102.617)	(1.399.347.330.074)	-	-	-	(1.549.989.432.691)
Thanh lý, nhượng bán	(7.350.592.579)	(68.992.338.084)	(31.187.084.697)	(891.640.796)	-	(108.421.656.156)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	493.893.880.216	2.343.895.973.569	353.808.487.476	45.911.845.109	19.484.048.531	3.256.994.234.901
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	39.414.328.452	261.359.225.251	21.583.373.522	439.719.574	5.424.985.811	328.221.632.610
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	(255.098.098.606)	(1.701.234.349.196)	(120.128.393.742)	(10.500.357.797)	(16.212.524.332)	(2.103.173.723.673)
Khấu hao trong kỳ	(15.242.932.187)	(107.921.578.685)	(20.770.170.376)	(3.044.154.489)	(988.890.793)	(147.967.726.530)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(4.693.380.547)	-	-	-	(4.693.380.547)
Điều chuyển TSCĐ qua Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	39.869.153.070	631.021.304.541	-	-	-	670.890.457.611
Thanh lý, nhượng bán	6.286.422.372	28.146.403.609	11.075.728.836	891.640.796	-	46.400.195.613
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	(224.185.455.351)	(1.154.681.600.278)	(129.822.835.282)	(12.652.871.490)	(17.201.415.125)	(1.538.544.177.526)
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	394.009.959.472	1.784.570.345.011	259.403.737.674	22.108.231.708	3.104.724.939	2.463.196.998.804
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	269.708.424.865	1.189.214.373.291	223.985.652.194	33.258.973.619	2.282.633.406	1.718.450.057.375

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã dùng nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 lần lượt là 1.404.694.066 VND và 106.680.663.228 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

	VND		
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	30.886.346.877	8.133.090.908	39.019.437.785
Tăng thuê trong kỳ	14.635.857.235	11.720.093.829	26.355.951.064
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	<u>(13.254.770.658)</u>	<u>-</u>	<u>(13.254.770.658)</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>32.267.433.454</u>	<u>19.853.184.737</u>	<u>52.120.618.191</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	(11.717.212.453)	(2.447.003.952)	(14.164.216.405)
Khấu hao trong kỳ	(1.257.480.025)	(502.667.378)	(1.760.147.403)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	<u>4.693.380.547</u>	<u>-</u>	<u>4.693.380.547</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>(8.281.311.931)</u>	<u>(2.949.671.330)</u>	<u>(11.230.983.261)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	<u>19.169.134.424</u>	<u>5.686.086.956</u>	<u>24.855.221.380</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>23.986.121.523</u>	<u>16.903.513.407</u>	<u>40.889.634.930</u>

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	280.481.532.265	1.344.757.711	281.826.289.976
Mua mới	-	38.529.686.198	38.529.686.198
Thanh lý	<u>(5.583.534.000)</u>	<u>-</u>	<u>(5.583.534.000)</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>274.897.998.265</u>	<u>39.874.443.909</u>	<u>314.772.442.174</u>
Trong đó:			
<i>Đã hao mòn hết</i>	456.396.144	1.344.757.711	1.801.153.855
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	(21.888.977.750)	(1.344.757.711)	(23.233.735.461)
Hao mòn trong kỳ	(1.281.227.027)	(2.623.002.729)	(3.904.229.756)
Thanh lý	<u>647.492.758</u>	<u>-</u>	<u>647.492.758</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>(22.522.712.019)</u>	<u>(3.967.760.440)</u>	<u>(26.490.472.459)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	<u>258.592.554.515</u>	<u>-</u>	<u>258.592.554.515</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>252.375.286.246</u>	<u>35.906.683.469</u>	<u>288.281.969.715</u>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 111.682.654.176 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Mua sắm tài sản cố định	5.144.608.437	241.007.879.131
Sửa chữa lớn tài sản cố định	518.683.446	4.874.878.475
Chi phí xây dựng	1.954.024.120	1.307.543.169
Chi phí khác	1.786.691.698	476.066.951
TỔNG CỘNG	9.404.007.701	247.666.367.726

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Đầu tư vào các công ty con (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	1.819.576.000.000	1.633.276.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	95.089.444.583	80.302.178.134
Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (*)	46.600.000.000	46.600.000.000
Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (**)	15.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.976.265.444.583	1.760.178.178.134
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(35.933.075.667)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.976.265.444.583	1.724.245.102.467

(*) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam có thời hạn mười (10) năm và hưởng lãi suất thả nổi +1%/ năm.

(**) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam có thời hạn mười (10) năm và hưởng lãi suất thả nổi +1,2%/ năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Ngày 31 tháng 3 năm 2018		Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	100	280.000.000.000	100	280.000.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	100	450.000.000.000	100	450.000.000.000	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	100	150.000.000.000	100	150.000.000.000	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	100	55.000.000.000	100	55.000.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	100	16.276.000.000	100	16.276.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100	320.000.000.000	100	200.000.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	100	200.000.000.000	100	200.000.000.000	Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội	70	2.800.000.000	70	2.800.000.000	Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	70	84.000.000.000	70	84.000.000.000	Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu Trung tâm Thương mại

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau (tiếp theo):

Công ty con	Ngày 31 tháng 3 năm 2018		Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	100	190.000.000.000	100	100.000.000.000	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	100	15.000.000.000	100	15.000.000.000	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất sắt, thép và gang
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	100	4.000.000.000	100	3.000.000.000	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	100	2.500.000.000	100	2.500.000.000	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Đầu tư cảng sông, cảng biển
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái	100	50.000.000.000	100	50.000.000.000	Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long (*)	-	-	100	24.700.000.000	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp
TỔNG CỘNG		1.819.576.000.000		1.633.276.000.000		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(*) Vào ngày 16 tháng 10 năm 2017, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 55% quyền sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long ("HSDL") cho Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen và Ông Lê Phước Vũ theo Hợp đồng Chuyển nhượng. Vốn góp ngày 16 tháng 10 năm 2017 với giá trị lần lượt là 11.115.000.000 VND và 2.470.000.000 VND. Theo đó, Công ty hiện còn nắm 45% quyền sở hữu trong HSDL tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 và được trình bày ở khoản mục đầu tư góp vốn vào công ty liên kết.

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Công ty	Ngày 31 tháng 3 năm 2018		Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadept	45	55.624.444.583	45	51.952.178.134	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển
Công ty Cổ phần Hoa Sen Hội Văn	45	450.000.000	45	450.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	45	27.900.000.000	45	27.900.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	45	11.115.000.000	-	-	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-		(35.933.075.667)		
GIÁ TRỊ THUẬN		95.089.444.583		44.369.102.467		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Các bên khác	655.597.235.785	2.926.831.509.306
Trong đó:		
Liberty Commodities Limited	141.190.260.657	-
Hangzhou Cogeneration (HongKong) Co.,LTD	131.346.998.856	645.971.085.812
Win Faith Trading Limited	94.039.830.133	-
Khác	289.020.146.139	2.280.860.423.494
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	615.580.505.053	381.237.934.811
TỔNG CỘNG	<u>1.271.177.740.838</u>	<u>3.308.069.444.117</u>

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	183.022.268.963	224.715.547.311
Các bên khác	152.757.022.900	133.208.633.634
TỔNG CỘNG	<u>335.779.291.863</u>	<u>357.924.180.945</u>

16. THUẾ

	VND			
	30 tháng 9 năm 2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31 tháng 3 năm 2018
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.767.280.907	72.504.669.041	(84.759.374.895)	27.512.575.053
Thuế GTGT	104.569.749.540	904.501.447.824	(927.716.303.488)	81.354.893.876
Thuế thu nhập cá nhân	1.614.292.843	19.350.603.163	(17.453.851.892)	3.511.044.114
Các loại thuế khác	1.003.296.101	20.966.750.959	(21.774.366.203)	195.680.857
TỔNG CỘNG	<u>146.954.619.391</u>	<u>1.017.323.470.987</u>	<u>(1.051.703.896.478)</u>	<u>112.574.193.900</u>
Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	1.308.779.396.886	535.147.750.066	(577.144.759.325)	1.266.782.387.627
Thuế thu nhập cá nhân	-	61.916.565	-	61.916.565
Thuế khác	-	93.801.642	-	93.801.642
TỔNG CỘNG	<u>1.308.779.396.886</u>	<u>535.303.468.273</u>	<u>(577.144.759.325)</u>	<u>1.266.938.105.834</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Thưởng và lương tháng 13	17.090.908.500	36.886.740.000
Chi phí lãi vay	12.618.841.556	10.761.599.776
Chi phí điện	12.504.986.962	9.628.754.210
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.098.311.060	5.322.145.980
Khác	224.000.000	226.700.000
TỔNG CỘNG	43.537.048.078	62.825.939.966

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Ký quỹ mở Thư tín dụng, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	286.135.654.185	-
Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần Gemadept	15.776.367.206	15.776.367.206
Nhận đặt cọc dự thầu	4.502.650.000	7.076.760.110
Phải trả cổ tức	4.304.952.925	4.598.464.925
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	668.817.420	777.656.800
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	2.699.542.373	25.716.800.000
Các phải trả khác	11.597.738.985	6.293.297.217
TỔNG CỘNG	325.685.723.094	60.239.346.258

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.109.649.724.982	7.402.317.620.460
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	9.898.214.789.325	7.204.366.078.759
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	195.042.696.961	193.321.275.085
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	16.392.238.696	4.630.266.616
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	145.931.803.673	237.114.284.830
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	137.762.212.641	234.156.032.907
Nợ dài hạn thuê tài chính (Thuyết minh số 19.3)	8.169.591.032	2.958.251.923
TỔNG CỘNG	10.255.581.528.655	7.639.431.905.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuế tài chính trong kỳ như sau:

	VND Giá trị
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	7.639.431.905.290
Tiền thu từ đi vay	14.071.743.354.343
Tiền chi trả nợ gốc vay	(11.463.595.633.358)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	(2.425.433.770)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.427.336.150
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>10.255.581.528.655</u>

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VND	1.191.852.795.720	Từ ngày 20 tháng 4 năm 2018 đến ngày 5 tháng 7 năm 2018	Từ 5,2 đến 5,6	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Vay USD	1.176.097.359.447	Từ ngày 10 tháng 4 năm 2018 đến ngày 27 tháng 8 năm 2018	Từ 2,5 đến 2,9	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VND	1.602.771.102.772	Từ ngày 4 tháng 4 năm 2018 đến ngày 30 tháng 8 năm 2018	Từ 5,0 đến 5,5	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Vay USD	1.443.912.148.768	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2018 đến ngày 26 tháng 9 năm 2018	Từ 2,3 đến 2,8	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương				
Vay USD	77.622.000.000	Ngày 21 tháng 5 năm 2018	2,6	Quyền sử dụng đất và hàng tồn kho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2018 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch 2				
Vay VND	916.153.874.106	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2018 đến ngày 6 tháng 9 năm 2018	5,5	Tín chấp
Vay USD	250.382.423.348	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2018 đến ngày 14 tháng 9 năm 2018	3,5	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh				
Vay USD	265.967.100.000	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2018 đến ngày 6 tháng 9 năm 2018	3,0	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VND	63.427.041.574	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018 đến ngày 18 tháng 5 năm 2018	Từ 4,2 đến 4,4	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)				
Vay VND	441.196.174.425	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2018 đến ngày 28 tháng 7 năm 2018	Từ 3,8 đến 4,8	Quyền sử dụng đất và hàng tồn kho
Vay USD	17.317.895.266	Ngày 6 tháng 4 năm 2018	2,7	Quyền sử dụng đất và hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VND	51.436.818.662	Từ ngày 14 tháng 5 năm 2018 đến ngày 20 tháng 7 năm 2018	Từ 5,2 đến 5,5	Tín chấp
Vay USD	454.329.190.428	Từ ngày 2 tháng 5 năm 2018 đến ngày 26 tháng 7 năm 2018	Từ 2,5 đến 3,0	Tín chấp
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VND	298.309.055.103	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2018 đến ngày 8 tháng 8 năm 2018	Từ 4,0 đến 4,2	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng				
Vay USD	47.438.451.143	Từ ngày 4 tháng 5 năm 2018 đến ngày 18 tháng 5 năm 2018	Từ 2,9 đến 3,0	Hàng tồn kho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2018 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)				
Vay VND	758.865.991.502	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2018 đến ngày 19 tháng 7 năm 2018	Từ 3,8 đến 4,8	Hàng tồn kho; quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Vay USD	256.409.335.564	Từ ngày 12 tháng 6 năm 2018 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018	2,57	Hàng tồn kho; quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng UOB Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VND	104.000.000.000	Từ ngày 8 tháng 4 năm 2018 đến ngày 18 tháng 7 năm 2018	Từ 3,9 đến 4,0	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Phương Đông				
Vay USD	127.641.010.207	Ngày 13 tháng 9 năm 2018	Từ 2,3 đến 3,0	Tín chấp
Ngân hàng BNP Paribas Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VND	237.621.719.343	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2018 đến ngày 22 tháng 6 năm 2018	Từ 4,25 đến 4,7	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam				
Vay VND	115.463.301.947	Từ ngày 18 tháng 4 năm 2018 đến ngày 26 tháng 4 năm 2018	Từ 5,2 đến 5,3	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>9.898.214.789.325</u>			

Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn này cho mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2018 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	------------------------------------	--------------	---------------------	-------------------

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương

Vay VND	82.094.315.280	Ngày 7 tháng 2 năm 2022	8,0	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
---------	----------------	----------------------------	-----	---

Ngân hàng TMCP Bản Việt

Vay VND	17.765.359.500	Từ ngày 4 tháng 2 năm 2018 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019	8,0	Phương tiện vận tải
---------	----------------	--	-----	---------------------

Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận

Vay VND	12.523.580.000	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2020 đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	8,5	Phương tiện vận tải
---------	----------------	---	-----	---------------------

Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương

Vay VND	206.924.771.861	Ngày 16 tháng 7 năm 2019	9,0	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
---------	-----------------	-----------------------------	-----	---

Ngân hàng Phát triển Việt Nam Khu vực Bình Dương – Bình Phước

Vay USD	3.842.327.991	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	1,7	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
---------	---------------	-----------------------------	-----	---

Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương

Vay VND	9.654.554.970	Ngày 7 tháng 1 năm 2019	8,0	Phương tiện vận tải
---------	---------------	----------------------------	-----	---------------------

TỔNG CỘNG 332.804.909.602

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	195.042.696.961
Vay dài hạn	137.762.212.641

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3 Nợ thuế tài chính

Chi tiết các khoản nợ thuế tài chính như sau:

Công ty hiện đang thuế máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 3 năm 2018		Ngày 30 tháng 9 năm 2017		VND
	Tổng các khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
Nợ thuế tài chính ngắn hạn					
Dưới 1 năm	17.648.488.877	1.256.250.181	5.059.482.950	429.216.334	4.630.266.616
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1-5 năm	8.606.934.855	437.343.823	3.050.680.643	92.428.720	2.958.251.923
TỔNG CỘNG	26.255.423.732	1.693.594.004	8.110.163.593	521.645.054	7.588.518.539

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017:						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	1.965.398.290.000	551.571.933.521	-	6.784.575.670	1.753.131.906.267	4.276.886.705.458
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	587.771.808.383	587.771.808.383
Trả cổ tức	-	-	-	-	(196.539.829.000)	(196.539.829.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(60.167.737.724)	(60.167.737.724)
Trích lập quỹ khác	-	-	-	67.688.704.939	(67.688.704.939)	-
Thường vượt kế hoạch	-	-	-	-	(51.300.000.000)	(51.300.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(26.571.644.057)	-	(26.571.644.057)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	1.965.398.290.000	551.571.933.521	-	47.901.636.552	1.965.207.442.987	4.530.079.303.060
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018:						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	3.499.966.830.000	151.583.183.521	-	34.535.741.195	1.618.854.251.238	5.304.940.005.954
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	295.065.454.500	295.065.454.500
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(543.000.000)	-	-	(543.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(53.266.556.487)	(53.266.556.487)
Trích lập quỹ khác	-	-	-	47.549.876.048	(47.549.876.048)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	(11.729.004.329)	-	(11.729.004.329)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	3.499.966.830.000	151.583.183.521	(543.000.000)	70.356.612.914	1.813.103.273.203	5.534.466.899.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	<u>3.499.966.830.000</u>	<u>1.965.398.290.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	-	196.539.829.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	293.512.000	195.895.385.600

20.3 Vốn cổ phần

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	349.996.683	349.996.683
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	54.300	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	349.942.383	349.996.683

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
		VND
Tổng doanh thu	29.345.419.687.079	22.029.294.923.416
<i>Trong đó:</i>		
Thành phẩm	9.191.498.564.583	8.966.902.442.739
Hàng hóa	20.122.036.927.899	12.942.848.868.880
Khác	31.884.194.597	119.543.611.797
Các khoản giảm trừ doanh thu	(99.693.211.691)	(81.507.342.295)
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	(86.729.016.051)	(76.204.794.414)
Hàng bán bị trả lại	(11.139.619.355)	(4.836.405.320)
Giảm giá hàng bán	(1.824.576.285)	(466.142.561)
DOANH THU THUẦN	29.245.726.475.388	21.947.787.581.121
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan	17.251.369.620.955	12.153.605.098.737
Doanh thu với các bên khác	11.994.356.854.433	9.794.182.482.384

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
		VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.303.463.586	29.748.875.096
Thu nhập từ đầu tư tài chính	8.036.143.858	884.469.964
Thu nhập từ lãi tiền gửi	168.843.735	230.380.057
TỔNG CỘNG	30.508.451.179	30.863.725.117

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
		VND
Thành phẩm	8.187.925.169.285	7.769.589.730.083
Hàng hóa	19.454.854.918.516	12.403.978.107.544
Khác	8.146.584.153	110.572.066.584
TỔNG CỘNG	27.650.926.671.954	20.284.139.904.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Chi phí lãi vay	228.290.720.096	136.838.829.918
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.409.044.612	66.078.128.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	11.944.096.959	8.463.524.412
(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(35.933.075.667)	4.491.634.458
Khác	475.041.218	-
TỔNG CỘNG	235.185.827.218	215.872.117.027

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Chi phí bán hàng	689.842.806.457	522.938.269.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.381.930.780	227.044.616.252
Chi phí nhân viên	165.158.053.865	135.058.420.660
Chi phí khấu hao và hao mòn	51.799.859.182	31.570.900.618
Chi phí khác	122.502.962.630	129.264.331.673
Chi phí quản lý doanh nghiệp	345.908.539.712	264.492.162.551
Chi phí nhân viên	193.107.665.017	130.482.064.997
Chi phí khấu hao và hao mòn	20.502.740.825	17.185.911.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.521.964.793	11.264.150.327
Chi phí khác	116.776.169.077	105.560.035.322
TỔNG CỘNG	1.035.751.346.169	787.430.431.754

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Thu nhập khác	25.741.719.577	59.065.916.454
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	10.625.814.628	17.046.808.202
Tiền bồi thường	11.916.097.562	36.059.780.905
Thu nhập khác	3.199.807.387	5.959.327.347
Chi phí khác	(979.313.029)	(638.879.439)
Chi phí khác	(979.313.029)	(638.879.439)
LỢI NHUẬN KHÁC	24.762.406.548	58.427.037.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Chi phí nguyên vật liệu	8.240.939.221.733	7.367.347.822.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	592.448.614.686	479.089.808.949
Chi phí nhân công	416.445.743.193	328.529.107.384
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11 và 12)	153.632.103.689	198.779.522.832
Chi phí khác	410.082.134.382	379.267.145.154
TỔNG CỘNG	<u>9.813.547.817.683</u>	<u>8.753.013.407.082</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	72.504.669.041	126.362.430.574
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa kỳ trước	-	(850.000)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	11.563.364.233	35.502.501.304
TỔNG CỘNG	<u>84.068.033.274</u>	<u>161.864.081.878</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>379.133.487.774</u>	<u>749.635.890.261</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	75.826.697.555	149.927.178.052
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được trừ	8.241.335.719	11.937.753.826
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa kỳ trước	-	(850.000)
Chi phí thuế TNDN	<u>84.068.033.274</u>	<u>161.864.081.878</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động so với kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.237.437.819	2.302.446.294	934.991.525	(8.112.444.149)
Chi phí phải trả	12.491.454.628	14.347.792.714	(1.856.338.086)	(25.947.904.851)
Các khoản dự phòng	4.224.693.477	12.704.668.012	(8.479.974.535)	1.929.540.618
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	142.451.723	1.135.161.780	(992.710.057)	330.134.903
Khác	1.317.330.381	2.486.663.461	(1.169.333.080)	(3.701.827.825)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	21.413.368.028	32.976.732.261		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(11.563.364.233)	(35.502.501.304)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Chi phí chi hộ Bán tài sản cố định Cho thuê tài sản cố định Mua khí đốt	7.479.995.422.607 6.921.878.825.946 78.393.984.261 9.138.455.859 - -	6.740.929.492.579 7.285.547.757.649 79.826.451.769 -
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng Mua hàng Bán tài sản cố định Cho thuê tài sản Hàng bán bị trả lại	2.368.058.101.504 1.998.109.156.956 87.000.000 65.272.730 -	2.069.224.218.756 1.747.939.570.484 200.000.000 339.272.730 397.974.795
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Chi phí vận chuyển Cho thuê tài sản Mua hàng Bán hàng	25.263.965.186 3.978.000.000 - -	18.186.425.568 3.402.000.000 4.611.416.810 14.225.521
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng Bán hàng	516.748.062.658 9.346.553.157	366.288.302.562 12.234.344.996

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
				VND
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Bán tài sản cố định Cho thuê tài sản Góp vốn	3.777.035.652.798 5.252.304.812.268 5.820.000.000 38.000.000 -	1.804.295.595.967 1.760.509.877.822 - 3.324.000.000 30.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	Công ty con	Góp vốn Bán hàng Mua hàng Thu nhập từ tiền lãi	120.000.000.000 793.175.734.003 490.648.828.284 708.702.055	64.000.000.000 17.856.223.488 - 167.082.436
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Bán tài sản cố định Mua hàng Bán hàng Thu nhập từ tiền lãi Góp vốn Cho vay	2.904.000.000 343.996.764.472 404.490.944 - - -	- 3.313.073.985 4.318.604.349 717.387.528 150.000.000.000 61.437.540.665
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Thu nhập từ tiền lãi Góp vốn	2.918.086.194 -	- 78.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng Góp vốn Mua hàng Thu nhập từ tiền lãi	197.218.930.577 90.000.000.000 3.795.686.880 360.292.657	- 50.000.000.000 - -
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Góp vốn	-	12.500.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Góp vốn	-	1.000.000.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Góp vốn	-	2.000.000.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Góp vốn	1.000.000.000	3.000.000.000	
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	Công ty liên kết	Góp vốn	-	3.150.000.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty liên kết	Góp vốn	3.672.266.449	-	
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng Mua hàng Thu từ thanh lý tài sản Chiết khấu thương mại Chi phí du lịch Thuế mặt bằng Cho thuê tài sản	1.735.016.751.376 1.323.909.747.617 31.542.647.555 31.151.447.142 - 223.636.362 819.590.909	957.011.460.274 1.164.342.628.636 28.338.441.005 30.367.059.146 14.245.901.816 223.636.362 957.468.178	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
VND				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	2.710.976.410.296	1.372.719.862.467
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	1.615.410.393.606	666.455.845.353
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Công ty con	Bán hàng	1.156.976.762.248	416.327.068.751
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	531.826.733.048	423.765.967.282
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng	195.698.224.620	10.215.237.917
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	4.375.800.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Bán hàng	325.220.210	2.380.875.132
Công ty TNHH Tập đoàn Dầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng	3.650.559	451.645.235
TỔNG CỘNG			6.215.593.194.587	2.892.316.502.137
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Trả trước	53.912.673.708	38.705.908.131
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Công ty con	Trả trước	6.412.381.073	-
TỔNG CỘNG			60.325.054.781	38.705.908.131
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	Công ty liên kết	Cho vay	11.460.295.900	-
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Cho vay	121.854.031.475	45.663.826.935
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Cho vay	-	29.311.140.265
TỔNG CỘNG			121.854.031.475	74.974.967.200

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	Công ty con Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	5.895.764.638 25.755.000	5.895.764.638 -
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Lãi vay	3.469.702.902	551.616.708
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu Liên hợp Luyện cán Thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chi hộ	923.312.250	923.312.250
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Lãi vay	176.334.280	164.900.884
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	Công ty liên kết	Lãi vay	174.696.609	-
Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chi hộ	13.000.000	10.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chi hộ	13.000.000	10.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	224.128.658.740
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	205.519.465.050
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	76.653.509.042
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	34.967.674.962
TỔNG CỘNG			100.874.792.679	639.008.129.274

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
VND				
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng	364.897.895.584	200.641.334.445
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	Công ty con	Mua hàng	125.075.704.774	56.166.912.937
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Mua hàng	64.962.974.590	53.560.995.083
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	26.264.100.580	14.226.066.980
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Mua hàng	17.603.105.010	-
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	12.415.765.734	-
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Mua hàng	4.175.255.568	-
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An	Bên liên quan	Mua hàng	144.703.213	427.095.341
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Mua hàng	41.000.000	54.215.530.025
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	-	2.000.000.000
TỔNG CỘNG			615.580.505.053	381.237.934.811
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Trả trước	92.982.548.450	78.751.807.428
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	90.039.720.513	145.963.739.883
TỔNG CỘNG			183.022.268.963	224.715.547.311

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Phải trả ngắn hạn khác				
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại tiền mua đất	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Chi hộ	749.516.500	-
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Chi hộ	439.140.976	-
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Chi hộ	350.400.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Chi hộ	94.484.897	16.800.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	Công ty con	Chi hộ	66.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	Công ty liên kết	Góp vốn	-	24.700.000.000
TỔNG CỘNG			2.699.542.373	25.716.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Lương Ban Tổng Giám đốc	10.281.821.204	9.206.791.955
Thưởng Ban Tổng Giám đốc	-	14.580.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	1.100.000.000	990.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	26.810.000.000
TỔNG CỘNG	<u>11.381.821.204</u>	<u>51.586.791.955</u>

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động – Công ty là bên thuê

Công ty hiện đang thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>VND Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>
Dưới 1 năm	108.118.146.600	102.622.704.600
Từ 1 tới 5 năm	366.742.941.893	360.182.972.527
Trên 5 năm	248.717.061.667	247.322.009.333
TỔNG CỘNG	<u>723.578.150.160</u>	<u>710.127.686.460</u>

Cam kết cho thuê hoạt động – Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>VND Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>
Dưới 1 năm	690.300.000	155.269.354.547
Từ 1 tới 5 năm	1.435.500.000	616.331.681.818
Trên 5 năm	-	341.516.000.000
TỔNG CỘNG	<u>2.125.800.000</u>	<u>1.113.117.036.365</u>

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018, Công ty có khoản cam kết trị giá 9.644.474.400 VND (Ngày 30 tháng 9 năm 2017: 35.525.754.918 VND) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

29. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)


Cam kết góp vốn


Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty có các cam kết góp vốn vào công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Cam kết góp vốn</u>		<u>Thực góp</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>% sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>
	<u>VND</u>		<u>VND</u>
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	100.000.000.000	100%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội	70.000.000.000	70%	2.800.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	50.000.000.000	100%	4.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	50.000.000.000	100%	2.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	30.000.000.000	100%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	20.000.000.000	100%	-
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	45.000.000.000	45%	27.900.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Hội Vân	22.500.000.000	45%	450.000.000
TỔNG CỘNG	387.500.000.000		52.650.000.000

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 5 năm 2018